HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2023/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 2266/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh, bao gồm các văn bản sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan thẩm tra và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

a) Nghị quyết được ban hành mới hoặc thay thế: 30.000.000 đồng/dự thảo; trong đó phân bổ kinh phí cụ thể:

Cơ quan chủ trì soạn thảo: 21.700.000 đồng/dự thảo.

Sở Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết: 3.700.000 đồng/hồ sơ đề nghị; thẩm định dự thảo nghị quyết: 2.000.000 đồng/dự thảo.

Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm tra: 2.000.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

b) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: 24.000.0000 đồng/dự thảo; trong đó phân bổ kinh phí cụ thể:

Cơ quan chủ trì soạn thảo: 16.700.000 đồng/dự thảo.

Sở Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết: 3.700.000 đồng/hồ sơ đề nghị; thẩm định dự thảo nghị quyết: 1.500.000 đồng/dự thảo.

Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm tra: 1.500.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

2. Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

a) Nghị quyết được ban hành mới hoặc thay thế: 25.000.000 đồng/dự thảo; trong đó phân bổ kinh phí cụ thể:

Cơ quan chủ trì soạn thảo: 20.400.000 đồng/dự thảo.

Sở Tư pháp thực hiện thẩm định: 2.000.000 đồng/dự thảo.

Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm tra: 2.000.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

b) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: 20.000.000 đồng/dự thảo; trong đó phân bổ kinh phí cụ thể:

Cơ quan chủ trì soạn thảo: 16.400.000 đồng/dự thảo.

Sở Tư pháp thực hiện thẩm định: 1.500.000 đồng/dự thảo.

Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm tra: 1.500.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

3. Đối với dự thảo quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định được ban hành mới hoặc thay thế: 20.000.000 đồng/dự thảo; trong đó phân bổ kinh phí cụ thể:

Cơ quan chủ trì soạn thảo: 17.700.000 đồng/dự thảo.

Sở Tư pháp thực hiện thẩm định: 2.000.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung: 16.000.000 đồng/dự thảo; trong đó phân bổ kinh phí cụ thể:

Cơ quan chủ trì soạn thảo: 14.200.000 đồng/dự thảo.

Sở Tư pháp thực hiện thẩm định: 1.500.000 đồng/dự thảo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chỉnh lý: 300.000 đồng/dự thảo.

4. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện được ban hành mới hoặc thay thế: 15.000.000 đồng/dự thảo.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện sửa đổi, bổ sung: 12.000.0000 đồng/dự thảo.

c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành mới hoặc thay thế: 10.000.000 đồng/dự thảo.

d) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện sửa đổi, bổ sung: 8.000.000 đồng/dự thảo.

5. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã được ban hành mới hoặc thay thế: 10.000.000 đồng/dự thảo.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung: 8.000.000 đồng/dự thảo.

c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành mới hoặc thay thế: 8.000.000 đồng/dự thảo.

d) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung: 6.400.000 đồng/dự thảo.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Các nội dung khác có liên quan đến kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016, Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận Khóa XI, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ (08b), Liên.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Nguyễn Hoài Anh